



míng mó

名模

noun · famous model

Example Sentences

tā shì yī wèi guó jì míng mó
她是一位国际名模。

She is an international famous model.

zhè wèi míng mó zài shí zhuāng zhōu shàng zǒu le hěn duō chǎng xiù
这位名模在时装周上走了很多场秀。

This famous model walked in many shows during fashion week.

Trace each character, then write the word on your own.

名	名	名	名	名	名	名	名	名		
模	模	模	模	模	模	模	模	模	模	模
模	模	模	模	模	模					